

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 ngày 03 tháng 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Văn học dân gian, mã số chuyên ngành: 9229030.02

**Điều 2.** Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Văn học dân gian ✓



ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho nghiên cứu sinh từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

**Điều 3.** Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng khoa Văn học và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

NGÀNH: VĂN HỌC

MÃ SỐ: 9229030.02

CHUYÊN NGÀNH: VĂN HỌC DÂN GIAN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2911/QĐ-XHNV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)*

### PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

**- Tên chuyên ngành đào tạo:**

+ Tiếng Việt: Văn học dân gian

+ Tiếng Anh: Folk Literature

**- Tên ngành đào tạo**

+ Tiếng Việt: Văn học

+ Tiếng Anh: Literature

**- Mã số chuyên ngành đào tạo: 9229030.02**

**- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt**

**- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ**

**- Thời gian đào tạo: 03 năm đối với người có bằng thạc sĩ, 04 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học**

**- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:**

+ Tên tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Văn học

+ Tên tiếng Anh: The Degree of Doctor of Philosophy in Literature

#### 2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

##### 2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo bậc tiến sĩ chuyên ngành Văn học dân gian có mục tiêu chung là đào tạo chuyên gia trình độ cao về Văn học dân gian, cung cấp những kiến thức

và phương pháp nghiên cứu chuyên sâu về Văn học dân gian, cập nhật với sự phát triển hiện đại của các lý thuyết nghiên cứu folklore (văn hóa dân gian) trên thế giới và ở Việt Nam, phù hợp với thực tiễn nghiên cứu văn học và văn hóa dân gian đang diễn ra ở Việt Nam cũng như đời sống văn học ở Việt Nam; có năng lực nghiên cứu độc lập và tổ chức nghiên cứu; có khả năng áp dụng những kiến thức đã được học vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra liên quan đến văn học dân gian. Sau khi tốt nghiệp, nghiên cứu sinh có thể làm việc trong các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng, các cơ quan báo chí, xuất bản có liên quan đến chuyên ngành Văn học dân gian.

## 2.2. Mục tiêu cụ thể

*Kiến thức:* Cung cấp kiến thức chuyên sâu và ở bậc cao về văn học dân gian giúp người học tiếp cận với những vấn đề khoa học mang tính cập nhật ở trong nước và trên thế giới liên quan đến văn học dân gian và những phương pháp luận nghiên cứu đặc thù có thể áp dụng trong lĩnh vực nghiên cứu văn học dân gian ở Việt Nam.

*Kỹ năng:* Cung cấp nền tảng phương pháp luận và những phương pháp nghiên cứu vừa có tính chuyên sâu, vừa có tính đặc thù ở bậc cao nhằm rèn luyện nghiệp vụ nghiên cứu, đặc biệt rèn luyện khả năng độc lập nghiên cứu, phát hiện vấn đề và chủ động triển khai các đề tài nghiên cứu về hoặc có liên quan đến văn học dân gian.

*Mức tự chủ và trách nhiệm:* Chương trình có mục tiêu đào tạo chuyên gia có thể công tác trong nhiều lĩnh vực nghề nghiệp liên quan đến văn học dân gian từ nghiên cứu tại các Viện nghiên cứu chuyên ngành; giảng dạy văn học dân gian Việt Nam (tại các cấp học và hình thức đào tạo khác nhau); tham gia công tác tại các cơ quan báo chí, xuất bản và các cơ quan quản lý văn hóa có liên quan đến văn học và văn hóa dân gian Việt Nam.

- Nghiên cứu chuyên sâu về các hiện tượng của văn học, văn hóa dân gian trong quá khứ cũng như trong hiện tại.

- Nghiên cứu so sánh các hiện tượng văn học, văn hóa dân gian Việt Nam với các nền văn học dân gian của các quốc gia, dân tộc trên thế giới dựa trên một (hay những) tiêu chí lý luận của quy luật vận động của văn học và văn hóa dân gian.

## 3. Thông tin tuyển sinh

**3.1. Hình thức tuyển sinh:** Xét tuyển thông qua việc đánh giá hồ sơ chuyên môn theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

### 3.2. Đối tượng tuyển sinh:

#### 3.2.1. Yêu cầu về văn bằng, ngành học, xếp loại tốt nghiệp

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên

ngành/chuyên ngành phù hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo tiến sĩ. Trường hợp phải học bổ sung kiến thức, thí sinh cần hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển. Đối tượng tuyển sinh cần đáp ứng một trong những điều kiện sau đây về văn bằng:

+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành/chuyên ngành phù hợp 1;

+ Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác (nếu có);

+ Thí sinh nếu có bằng thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam và Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam phải có đề tài luận văn thạc sĩ nghiên cứu về văn học.

- Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

### **3.2.2. Yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nghiên cứu**

- Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển.

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu và các công trình công bố theo quy định đơn vị đào tạo (nếu có). Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học. Công bố khoa học có thể là bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc báo cáo khoa học đăng tại kỉ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lý do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư

hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

+ Phẩm chất, đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

### **3.2.3. Yêu cầu về ngoại ngữ**

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp đại học trở lên do do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

+ Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định của ĐHQGHN tương đương trình độ bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự tuyển được cấp bởi các cơ sở được ĐHQGHN chấp nhận.

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt, và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

### **3.2.4. Yêu cầu khác**

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập.
- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

### **3.3. Danh mục ngành/chuyên ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức**

#### **3.3.1. Danh mục ngành/chuyên ngành phù hợp**

- Ngành phù hợp 1: Văn học, Văn học dân gian.
- Ngành phù hợp 2: Văn học Việt Nam, Hán Nôm, Lý luận văn học, Ngôn ngữ Việt Nam, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam, Văn hóa dân gian, Văn học nước ngoài, Văn học so sánh, Việt Nam học, Nhân học, Dân tộc học.
- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo ĐHQGHN trước khi tuyển sinh và chịu trách nhiệm về việc đánh giá chuyên môn này.

#### **3.3.2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức với đối tượng ngành phù hợp 2**

<b>TT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số tín chỉ</b>
1	Nghiên cứu văn học dân gian theo loại hình học	02
2	Nghiên cứu văn học dân gian từ góc nhìn văn hóa	02
3	Các vấn đề hiện đại và đương đại của Folklore	02
4	Nghiên cứu Folklore theo tiến trình lịch sử	02
<b>Tổng</b>		<b>08</b>

### **3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh**

Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến từ 3-5 nghiên cứu sinh/ 1 năm. Kế hoạch tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

## **PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Yêu cầu về luận án**

- Luận án là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có hệ thống, chuyên sâu

mang tính lý luận và thực tiễn, có những đóng góp mới đối với khoa học và thực tiễn, phù hợp với ngành Văn học dân gian.

- Kết quả nghiên cứu trong luận án phải là sản phẩm nghiên cứu của chính tác giả thu được chủ yếu trong thời gian học, chưa được công bố trong các công trình nghiên cứu nào của người khác, bảo đảm liêm chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Nếu sử dụng kết quả, tài liệu của người khác thì phải trích dẫn tường minh. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của tập thể trong đó tác giả có đóng góp phần chính thì phải xuất trình các văn bản thể hiện sự nhất trí của các thành viên trong tập thể cho phép tác giả sử dụng kết quả chung để viết luận án.

- Luận án được viết bằng tiếng Việt, sử dụng chữ thuộc mã Unicode, loại chữ Times New Roman, cỡ chữ 13, độ dài không quá 300 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung luận án, ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh. Bản tóm tắt luận án phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Bản thông tin luận án khoảng 3 đến 5 trang (300 đến 500 chữ) bằng tiếng Việt và tiếng Anh trình bày tóm tắt những nội dung cơ bản, những nội dung mới và những kết quả nghiên cứu và đóng góp quan trọng nhất của luận án.

## **2. Yêu cầu về năng lực nghiên cứu**

- Nghiên cứu sinh công bố kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ), có tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả). Các công bố quốc tế phải được viết bằng tiếng nước ngoài, các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm và phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

+ Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus);

+ Có 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp và tối thiểu 01 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN;



+ Có 02 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN.

### **3. Chuẩn đầu ra về kiến thức**

#### **3.1. Kiến thức chung (đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ)**

- **PLO 1:** Lý giải được những quy luật phổ biến của sự tồn tại, vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy con người; xác định được thế giới quan, phương pháp luận khoa học cho nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin.

#### **3.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành (đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ)**

- **PLO 2:** Hệ thống hóa được các kiến thức nền tảng trong nghiên cứu văn học theo các hệ vấn đề về bản sắc văn hóa và văn hóa Việt Nam trong lịch sử giao lưu, phát triển của văn học và hệ thống lý luận, phương pháp nghiên cứu văn học cơ bản để ứng dụng vào thực tiễn văn học và thực tiễn xã hội.

- **PLO 3:** Xác định và hệ thống hóa được những nội dung nghiên cứu thuộc hướng chuyên ngành văn học dân gian như: phân tích được các hiện tượng của văn học dân gian qua các thời kì lịch sử, bao gồm vấn đề chuyên sâu về các thể loại, thi pháp, đặc trưng thẩm mỹ của văn học dân gian... theo các quy luật vận động ở từng giai đoạn trong lịch sử văn học; khảo sát và lý giải được những hiện tượng, vấn đề của nền văn học dân gian trong mối quan hệ so sánh với văn học dân gian và các nền văn học trên thế giới; hệ thống hoá được các phương pháp nghiên cứu có tính đặc thù trong nghiên cứu văn học dân gian.

#### **3.3. Kiến thức học phần tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan**

- **PLO 4:** Thẩm định và tranh luận được xung quanh các luận điểm, các mối liên hệ, các nguyên tắc cấu trúc của vấn đề nghiên cứu liên quan đến lý luận và thực tiễn văn học dân gian.

- **PLO 5:** Thiết lập và biên soạn được các sản phẩm nghiên cứu thể hiện quan điểm cá nhân, đề xuất được các ý tưởng mới liên quan đến các vấn đề lý luận và thực tiễn văn học dân gian.

### **4. Chuẩn đầu ra về kỹ năng**

- **PLO 6:** Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển.

- PLO 7: Kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn.
- PLO 8. Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học.
- PLO 9. Kỹ năng đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo.
- PLO 10. Kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển;
- PLO 11. Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế thuộc ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu và phổ biến các kết quả nghiên cứu.

### **5. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm**

- PLO 12: Nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới; đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau.
- PLO 13: Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác.
- PLO 14: Phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia.
- PLO 15: Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới.
- PLO 16: Phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội.

### **6. Vị trí làm việc của nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp:**

Sau khi tốt nghiệp Tiến sĩ chuyên ngành, người tốt nghiệp phải có khả năng và trình độ nghiên cứu khoa học độc lập, có thể nghiên cứu ở các Viện, có thể trở thành giảng viên ở các trường Đại học/Cao đẳng, giáo viên các trường chuyên bậc phổ thông trung học, hoạt động trong các lĩnh vực báo chí, xuất bản, quản lý văn hóa và các lĩnh vực khác của khoa học xã hội và nhân văn.

### **7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:**

Với những kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đã đạt được, nghiên cứu sinh có thể tự mình rèn luyện thêm về ngoại ngữ, chuyên môn để thực hiện các đề tài nghiên cứu lớn hơn, hoặc đăng kí các chương trình nghiên cứu sau tiến sĩ trong và ngoài nước, tự nâng cao trình độ trong công việc mà mình đảm nhiệm.

## **PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo**

#### **1.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ**

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	<b>90</b> tín chỉ, trong đó:
- Học phần tiến sĩ:	<b>10</b> tín chỉ

- + Bắt buộc: 04 tín chỉ
- + Tự chọn: 06 tín chỉ/ 12 tín chỉ
- Các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan, NCKH: **08** tín chỉ
  - + Chuyên đề tiến sĩ: 06 tín chỉ
  - + Tiểu luận tổng quan: 02 tín chỉ
- + Nghiên cứu khoa học (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*)
- Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*).

- Luận án tiến sĩ: **72 tín chỉ**

## 1.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ:

- Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **124** tín chỉ, trong đó:
- Các học phần bổ sung kiến thức: **34** tín chỉ
    - + Bắt buộc: 12 tín chỉ
    - + Tự chọn: 22 tín chỉ/ 44 tín chỉ
  - Các học phần tiến sĩ: **10** tín chỉ
    - + Bắt buộc: 04 tín chỉ
    - + Tự chọn: 06 tín chỉ/ 12 tín chỉ
  - Các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan, NCKH: **08** tín chỉ
    - + Chuyên đề tiến sĩ: 06 tín chỉ
    - + Tiểu luận tổng quan: 02 tín chỉ
  - + Nghiên cứu khoa học (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*)
  - Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*).
  - Luận án tiến sĩ: **72** tín chỉ

## 2. Khung chương trình đào tạo

### 2.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết <sup>1</sup>	Thực hành <sup>2</sup>	Tự học <sup>3</sup>	
<b>I</b>	<b>Các học phần tiên sĩ</b>		<b>10</b>				
<b>I.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>4</b>				
1	LIT8077	Vấn đề hiện tại của khoa nghiên cứu folklore <i>Current Issue in Folklore Studies</i>	2	30	0	70	
2	LIT8078	Những vấn đề thể loại văn học dân gian <i>Genre Issues in Folk Literature</i>	2	30	0	70	
<b>I.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>6/12</b>				
3	LIT8039	Folklore trong xã hội đương đại <i>Folklore in Contemporary Society</i>	3	45	0	105	
4	LIT8038	Phương pháp điền dã folklore <i>Fieldwork in Folklore</i>	3	45	0	105	
5	LIT8042	Folklore các dân tộc ít người ở Việt Nam <i>Folklore of Ethnic Minority Groups in Vietnam</i>	3	45	0	105	
6	LIT8081	Lễ hội trong đời sống xã hội đương đại <i>Festivals in Contemporary Society</i>	3	45	0	105	
<b>II</b>	<b>Chuyên đề tiên sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH</b>		<b>6</b>				
<b>II.1</b>	<b>Chuyên đề tiên sĩ</b>		<b>6</b>				
7	LIT8044	Chuyên đề 1 <i>Special Topic 1</i>	2	5	0	95	
8	LIT8045	Chuyên đề 2 <i>Special Topic 2</i>	2	5	0	95	
9	LIT8046	Chuyên đề 3 <i>Special Topic 3</i>	2	5	0	95	
<b>II.2</b>	<b>Tiểu luận tổng quan</b>		<b>2</b>				
10	LIT8036	Tiểu luận tổng quan <i>Overview of Literature</i>	2	5	0	95	
<b>II.3</b>	<b>Nghiên cứu khoa học</b> NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành theo quy định của ĐHQGHN dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn						
<b>III</b>	<b>Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo</b> NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo, tọa đàm do đơn vị chuyên môn tổ chức. NCS cần tham gia các hoạt động sau: Trợ giảng bậc đại học, thạc sĩ; hoặc hướng dẫn sinh viên, học viên cao học thực hành, thực tập; hoặc hướng dẫn tối thiểu 01 khoá luận tốt nghiệp đại học; hoặc tham gia giảng dạy, trợ giảng các khoá đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do đơn vị tổ chức						
<b>IV</b>	<b>Luận án</b>		<b>72</b>				
11	LIT9008	Luận án tiên sĩ <i>PhD Thesis</i>	72	0	0	3600	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết <sup>1</sup>	Thực hành <sup>2</sup>	Tự học <sup>3</sup>	
<b>Tổng cộng:</b>			<b>90</b>				

## 2.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết <sup>1</sup>	Thực hành <sup>2</sup>	Tự học <sup>3</sup>	
<b>I</b>	<b>Học phần bổ sung</b>		<b>4</b>				
<b>I.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>12</b>				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	55	15	135	
2	LIT6064	Bản sắc Việt Nam qua giao lưu văn học <i>Vietnam Identity through Literary Exchanges</i>	2	30	0	70	
3	LIT6127	Nghiên cứu văn học dân gian từ góc nhìn văn hóa <i>Researching Folk Literature from Cultural Perspectives</i>	2	30	0	70	
4	LIT6069	Lịch sử phê bình văn học phương Tây <i>History of Western Literary Criticism</i>	2	30	0	70	
5	LIT6063	Một số vấn đề lý luận của văn học hiện đại và hậu hiện đại <i>Some Theoretical Issues of Modern and Postmodern Literature</i>	2	30	0	70	
<b>I.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>22/44</b>				
6	LIT6111	Các lý thuyết nghiên cứu văn học dân gian <i>Folklore Theories</i>	2	30	0	70	
7	LIT6169	Lịch sử sưu tầm, nghiên cứu văn học dân gian <i>History of Collections and Researches of Vietnamese Folk Literature</i>	2	30	0	70	
8	LIT6011	Nghiên cứu văn học dân gian theo loại hình học <i>Typological Studies of Folk Literature</i>	2	30	0	70	
9	LIT6125	Mối quan hệ giữa Folklore và văn học <i>The Relation between Folklore and Literature</i>	2	30	0	70	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết <sup>1</sup>	Thực hành <sup>2</sup>	Tự học <sup>3</sup>	
10	LIT6151	Nghiên cứu so sánh văn học dân gian <i>Comparative Studies of Folk Literature</i>	2	30	0	70	
11	LIT6152	Các vấn đề hiện đại và đương đại của Folklore <i>Modern and Contemporary Issues of Folklore</i>	2	30	0	70	
12	LIT6153	Nghiên cứu Folklore theo tiến trình lịch sử <i>Historical Studies of Folklore</i>	2	30	0	70	
13	LIT6154	Đa dạng tộc người và Folklore Việt Nam <i>Ethnic Diversity and Vietnamese Folklore</i>	2	30	0	70	
14	LIT6068	Nghiên cứu sử thi ở Việt Nam <i>Researching Epics in Viet Nam</i>	2	30	0	70	
15	LIT6022	Thi pháp ca dao <i>Poetics of Folk Songs</i>	2	30	0	70	
16	LIT6155	Các vấn đề Folklore và tôn giáo <i>Folklore and Religion Issues</i>	2	30	0	70	
17	LIT6113	Nghiên cứu diễn xướng dân gian: lý thuyết và thực tiễn <i>Studies of Folk Performances: Theory and Practice</i>	2	30	0	70	
18	LIT6004	Phương pháp luận nghiên cứu văn học <i>Methodology of Literary Study</i>	2	30	0	70	
19	LIT6061	So sánh văn luận Đông - Tây <i>Comparative Study of Western and Eastern Literary Criticism</i>	2	30	0	70	
20	LIT6003	Những vấn đề về thi pháp học <i>Issues of Poetics</i>	2	30	0	70	
21	LIT6024	Tâm lý học sáng tạo nghệ thuật <i>Psychology of Art Creation</i>	2	30	0	70	
22	LIT6001	Thời gian trong truyện kể <i>Time in Narratives</i>	2	30	0	70	
23	LIT6105	Loại hình học tác giả văn học trong văn học trung đại Việt Nam <i>Typology of Writer in Vietnamese Medieval Literature</i>	2	30	0	70	
24	LIT6012	Văn học trung đại Việt Nam - tiếp cận từ góc nhìn văn hóa <i>Cultural Approach to Vietnamese Medieval Literature</i>	2	30	0	70	
25	LIT6009	Lý thuyết tư duy thơ <i>Theory of Poetic Thought</i>	2	30	0	70	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết <sup>1</sup>	Thực hành <sup>2</sup>	Tự học <sup>3</sup>	
26	LIT6059	Các bình diện thẩm mỹ của văn học trung đại Việt Nam <i>Aesthetic Aspects of Medieval Literature</i>	2	30	0	70	
27	LIT6062	Lý thuyết tự sự học <i>Narratology Theory</i>	2	30	0	70	
<b>II</b>	<b>Các học phần tiên sĩ</b>		<b>10</b>				
<b>II.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>04</b>				
28	LIT8077	Vấn đề hiện tại của khoa nghiên cứu Folklore <i>Current Issue in Folklore Studies</i>	2	30	0	70	
29	LIT8078	Những vấn đề thể loại văn học dân gian <i>Genre Issues in Folk Literature</i>	2	30	0	70	
<b>II.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>6/12</b>				
30	LIT8039	Folklore trong xã hội đương đại <i>Folklore in Contemporary Society</i>	3	45	0	105	
31	LIT8038	Phương pháp điền dã folklore <i>Fieldwork in Folklore</i>	3	45	0	105	
32	LIT8042	Folklore các dân tộc ít người ở Việt Nam <i>Folklore of Ethnic Minority Groups in Vietnam</i>	3	45	0	105	
33	LIT8081	Lễ hội trong đời sống xã hội đương đại <i>Festivals in Contemporary Society</i>	3	45	0	105	
<b>III</b>	<b>Chuyên đề tiên sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH</b>		<b>8</b>				
<b>III.1</b>	<b>Chuyên đề tiên sĩ</b>		<b>6</b>				
34	LIT8044	Chuyên đề 1 <i>Special Topic 1</i>	2	5	0	95	
35	LIT8045	Chuyên đề 2 <i>Special Topic 2</i>	2	5	0	95	
36	LIT8046	Chuyên đề 3 <i>Special Topic 3</i>	2	5	0	95	
<b>III.2</b>	<b>Tiểu luận tổng quan</b>		<b>2</b>				
37	LIT8036	Tiểu luận tổng quan <i>Overview of Literature</i>	2	5	0	95	
<b>III.3</b>	<b>Nghiên cứu khoa học</b> NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành theo quy định của ĐHQGHN dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn						
<b>IV</b>	<b>Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo</b> NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo, tọa đàm						

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết <sup>1</sup>	Thực hành <sup>2</sup>	Tự học <sup>3</sup>	
		do đơn vị chuyên môn tổ chức. NCS cần tham gia các hoạt động sau: Trợ giảng bậc đại học, thạc sỹ; hoặc hướng dẫn sinh viên, học viên cao học thực hành, thực tập; hoặc hướng dẫn tối thiểu 01 khoá luận tốt nghiệp đại học; hoặc tham gia giảng dạy, trợ giảng các khoá đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do đơn vị tổ chức					
V	Luận án		72				
38	LIT9008	Luận án tiến sĩ <i>PhD Thesis</i>	72	0	0	3600	
		<b>Tổng cộng:</b>	<b>124</b>				

**Lưu ý:** Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lý thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá ✓